TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST;
Ngày: 06-3-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Huỳnh Trường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đặng Thế Ứng;**

Ông **Trần Văn Tám**;

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhàn** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trân Quốc Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2022/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số74/QĐXXST-HS ngày 11/01/2023 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc D Giới tính: Nam,T gọi khác: không,Sinh ngày 17 tháng 3 năm 1990; tại: tỉnh Tiền Giang.Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.Nghề nghiệp: không. Quốc tịch:Việt Nam.Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: không.Trình độ văn hóa:09/12.Cha: Phạm Văn H, sinh năm 1962.Mẹ: Phan Thị Đ, sinh năm 1966.Cả hai đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thị xã C,tỉnh Tiền Giang.Anh,chị em có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo chung sống như vợ chồng với Trần Thị Thu N, sinh năm 1993, có 02 con sinh năm 2017 và 2018; hiện không còn chung sống với Trần Thị Thu N.Năm 2019 bị cáo chung sống như vợ chồng với Phan Thị Thùy T1, sinh năm 1997, nơi thường trú: ấp B, thị Trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre, có 01 con sinh ngày 31/01/2022.

- Tiền án:

+ Ngày 27/11/2013, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 theo Bản án số 72/2013/HS-ST.

+ Ngày 27/3/2014, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 theo Bản án số 22/2014/HS-ST. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 72/2013/HS-ST ngày 27/11/2013 của Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo D chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm. Bị cáo D chấp hành xong bản án ngày 06/3/2016.

+ Ngày 20/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo Bản án số 38/2019/HS-ST. Bị cáo D chấp hành xong bản án ngày 27/8/2020.

- Tiền sự: không

- Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống cùng cha mẹ tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

+ Ngày 22/4/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 12 năm tù về tội Giết người và cướp tài sản theo quy định tại điểm đ, g khoản 1 Điều 93, khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 theo Bản án số 33/2005/HSST. Bị cáo D chấp hành xong bản án ngày 27/01/2013. Do thời điểm phạm tội và xét xử, bị cáo D chưa đủ 16 tuổi nên đương nhiên được xóa án tích.

+ Ngày 10/6/2022,Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự theo Bản án số 58/2022/HS-ST. Bị cáo D đang chấp hành án.

- Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam C-Cục C1 Bộ C2.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Bị hại*:
Thái Hồng T2, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Phạm Thị Hồng T3, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/01/2022, bị cáo Phạm Ngọc D, sinh năm 1990, thường trú ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố bị can và ra lệnh truy nã. Do biết bị truy nã nên bị cáo D không dám ở nhà mà đến thuê phòng trọ số I, nhà trọ tháng 68 tại khu phố M, phường N, thị xã C do anh Thái Đức H1, sinh năm 1970 làm chủ để sống cùng Phan Thị Thùy T1, sinh năm 1997, thường trú ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.Tại đây, bị cáo D quen biết với chị Thái Hồng T2, sinh năm 1996, thường trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (cùng thuê nhà trọ tháng 68). Khoảng 15 giờ ngày 20/6/2021, bị cáo D hỏi mượn xe mô tô biển số 71B3 – 973.17 của chị T2 để chở chị T1 đi khám thai. Bị

cáo D điều khiển xe mô tô biển số 71B3 – 973.17 chở chị T1 đến phòng khám thai của bác sĩ N tại khu phố A, phường E, thị xã C nhưng phòng khám không hoạt động nên bị cáo D chở chị T1 xuống thành phố M để khám thai (không rõ địa chỉ). Trong lúc chị T1 vào phòng khám, bị cáo D ngồi đợi và nảy sinh ý định cầm xe mô tô biển số 71B3 – 973.17 để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo D điều khiển xe đến tiệm game bắn cá tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre do anh Bùi Trung H2, sinh năm 1992, thường trú ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre làm chủ để cầm xe nhưng anh H2 không nhận cầm xe.Bị cáo D điều khiển xe quay trở lại rướt chị T1 thì anh H2 điện nói có anh Trần Phú Q, sinh năm 1992, thường trú ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre đồng ý nhận cầm xe. Bị cáo D điều khiển xe chở chịTrang đến gặp anh Q và cầm được 6.000.000đồng. Không thấy bị cáo D trả xe nên chị T2 nhiều lần điện thoại cho bị cáo D nhưng bị cáo D không nghe máy. Ngày 21/6/2021, chị T2 tiếp tục điện thoại cho bị cáo D để đòi xe, bị cáo D nói cho chị T2 biết đã cầm xe cho anh Q và nhắn tin cho chị T2 số điện thoại của anh Q để chị T2 chuộc xe về. Sau đó chị T2 nhiều lần liên lạc với bị cáo D nhưng không được nên đến Công an phường N trình báo sự việc. Đối với xe mô tô biển số 71B3 – 973.17, anh Q dùng chở hàng và bị rớt biển số. Sau khi biết bị cáo D chiếm đoạt xe của chị T2 thì anh Q đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an thị xã C.

Vật chứng trong vụ án thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter không biển số.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B3 – 973.17.

Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG, ngày 13/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sư thị xã C xác định xe mô tô biển số 71B3 – 973.17 trị giá 21.600.000đồng.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Thái Hồng T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter không biển số và 01 giấy đăng ký xe.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Phan Thị Thùy T1 bồi thường cho chị Thái Hồng T2 số tiền 6.000.000đồng. Chị T2 đã nhận tiền và không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì thêm; anh Trần Phú Q không yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 6.000.000đồng nhận cầm xe.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSTXCL ngày 20/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố bị cáo Phạm Ngọc Duy về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Tòa án căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D mức án từ 04 năm tù đến 05 năm tù. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với Bản án số 58/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản ".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi,tranh tụng tại phiên tòa,Tòa án nhận định như sau:

- [1] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc D khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, những người tham gia tố tụng khác,vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ,tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa:Vào ngày 20/6/2021, tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, bị Phạm Ngọc D có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của chị Thái Hồng T2 01 xe mô tô biển số 71B3-973.17 trị giá 21.600.000 đồng. Bị cáo D có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm cần xử phạt bị cáo hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[3]Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có cha là Phạm Văn H được tặng Huân chương chiến công hạng 3 gia đình có công với cách mạng thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Anh Bùi Trung H2 có hành vi giới thiệu anh Trần Phú Q nhận cầm xe 71B3-973.17 và anh Trần Phú Q có hành vi nhận cầm xe mô tô biển số 71B3-973.17 nhưng anh H2 và anh Q không biết xe do bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội mà có.Do đó, hành vi của anh H2 và anh Q không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Chị Phan Thị Thùy T1 cùng bị cáo Phạm Ngọc D mượn xe mô tô 71B3-973.17 của chị Thái Hồng T2 đi khám thai, bị D đem cầm xe lấy số tiền 6.000.000đồng chị T1 hoàn toàn không biết nên không đồng phạm trong vụ án này.Khi bị cáo D cầm xe xong thì chị T1 mới biết, sau đó đã chủ động đưa số tiền 6.000.000đồng để chị T2 đi chuộc xe dùm, mặt khác chị T1 sống như vợ chồng với bị cáo D có 01 con chung. Ngoài ra chị T1 cũng không biết bị cáo D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre truy nã về tội trộm cắp tài sản. Do đó hành vi của chị T1 không phạm tội che giấu tội phạm và không tố giác tội phạm.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Thái Hồng T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter không biển số và 01 giấy đăng ký xe nên không đặt ra xem xét .

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Phan Thị Thùy T1 bồi thường cho chị Thái Hồng T2 số tiền 6.000.000đồng. Chị T2 đã nhận tiền và không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì thêm; anh Trần Phú Q không yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 6.000.000đồng nhận cầm xe nên không đặt ra xem xét

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ,Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về án phí:bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Phạm Ngọc D** phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc D 04 (bốn) năm tù.**

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 58/2022/HS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản ".Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2022.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D chấp hành hình phạt chung 06(sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2022.

Về án phí:Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

TM. **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Công an thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Nguyễn Huỳnh Trường